

Nhu cầu tham vấn tâm lý của sinh viên Trường đại học Quốc tế Hồng Bàng

Lê Thị Ngọc Thương*, Trần Phan Thảo Vy*, Trần Thị Kiều Hạnh*

*Trường Đại học Quốc Tế Hồng Bàng

Received: 18/6/2024; Accepted: 30/6/2024; Published: 12/7/2024

Abstract: This article analyzes the results of psychological counselling needs of students at Hong Bang International University. Research results show that students have the highest to lowest need for consultation in the areas of career orientation, life skills, study and other support services. The main research method used is a questionnaire survey and in-depth interviews with students and lecturers.

Keywords: Need, counsel, students.

1. Đặt vấn đề

Theo Hiệp hội các nhà tham vấn Hoa Kỳ (ACA), tham vấn là hoạt động giúp con người nhận biết, hiểu được bản thân và phát triển các kỹ năng ứng phó với những khó khăn phát sinh trong cuộc sống". Sức khỏe tâm thần của thanh niên - đặc biệt là thế hệ Gen Z (từ chỉ những người sinh từ giữa đến cuối những năm 1990 và đầu những năm 2010) là một vấn đề ngày càng nổi bật trong thế kỷ 21. Thực trạng cho thấy nghiên cứu nhu cầu tham vấn tâm lý của SV trở nên phổ biến và cần thiết ở các trường đại học tại Việt Nam. Chẳng hạn, tác giả Bùi Thị Ngọc Thoa (2020) nghiên cứu nhu cầu tham vấn tâm lý của SV ở trường đại học Lâm Nghiệp chỉ ra SV có nhu cầu chia sẻ và giải quyết khó khăn tâm lý với người thân và có nhu cầu đến tham vấn đặc biệt qua điện thoại. Bên cạnh đó, nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy, Đặng Thùy Dương (2019) trên 713 SV năm thứ nhất tại trường đại học Y Hà Nội cho thấy SV có nhu cầu được tham vấn về "học tập" nhiều nhất, kế đến là "định hướng nghề nghiệp", phát triển các kỹ năng sống và các hỗ trợ khác. SV cũng mong muốn tham vấn cá nhân trực tiếp tại phòng tham vấn ở trường chiếm tỉ lệ cao nhất (63.1%). Hoặc là, tác giả Nguyễn Văn Thanh (2022) khảo sát nhu cầu tham vấn của SV học viện Phụ nữ Việt Nam chỉ ra rằng SV có nhu cầu tham vấn ở lĩnh vực học tập nhiều nhất so với định hướng nghề nghiệp, kỹ năng sống và dịch vụ khác.

Có thể nói, SV có nhu cầu tham vấn tâm lý khá lớn tại nhiều trường đại học. Vì vậy khảo sát nhu cầu tham vấn tâm lý của SV tại trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng sẽ giúp trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: bao nhiêu SV có nhu cầu tham vấn tâm lý? Nhu cầu này thể hiện ở lĩnh vực nào? Và có sự khác biệt ý nghĩa nào về nhu cầu này ở các khoa Khoa học xã hội, kỹ

thuật công nghệ, khối sức khỏe? Từ nhu cầu này của SV, nhà trường có thể tiến hành xây dựng quy trình tham vấn tâm lý cho SV.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

- Khách thể: 130 SV trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

Đặc điểm khách thể nghiên cứu: SV của ba khối ngành sức khỏe, khoa Khoa học xã hội, Kỹ thuật công nghệ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Các lí luận công trình nghiên cứu trong và ngoài nước được phân tích, tổng hợp để từ đó xây dựng nên lí luận, phiếu khảo sát của đề tài.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

*Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Khảo sát nhu cầu tham vấn tâm lý của 130 SV ở các khối ngành sức khỏe và xã hội, kỹ thuật công nghệ.

* Phương pháp quan sát

+ Phương pháp quan sát: quan sát đặc điểm tâm lý của SV để từ đó hướng dẫn các em đến phòng tham vấn.

* Phương pháp phỏng vấn sâu

+ Phỏng vấn ý kiến của chuyên gia: 03 chuyên gia về quy trình, nhu cầu, đề xuất giải pháp tâm lý cho SV.

+ Phỏng vấn ý kiến của SV: 15 SV.

* Phương pháp thống kê toán học

Đề tài sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý số liệu thống kê tần số, độ lệch chuẩn, kiểm nghiệm Anova.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Độ tin cậy

Kiểm tra hệ số tin cậy Anpha Cronbach của thang đo thể hiện trong bảng như sau. Với hệ số Anpha

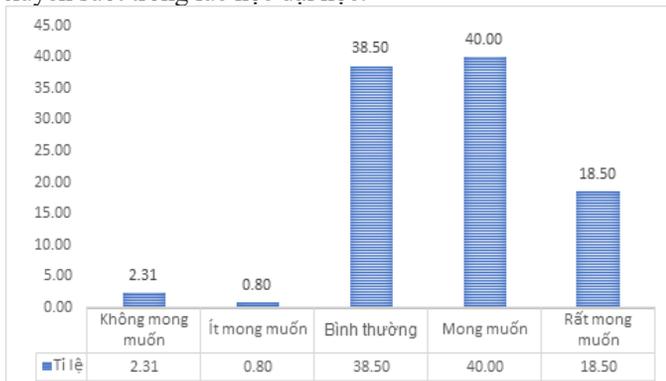
Cronbach của từng câu hỏi đều trên 0.8, nằm trong khoảng 0.8 đến 1. Theo thống kê, thang đo có độ tin cậy cao vì vậy đây là thang đo tốt để đưa vào sử dụng.

Bảng 3.1. Hệ số tin cậy

Nội dung	Hệ số Anpha Cronbach	Độ tin cậy
Nhu cầu tham vấn về học tập	0.909	Từ 0.8 đến bảng 1: thang đo lường rất tốt.
Định hướng nghề nghiệp	0.951	
Phát triển kĩ năng sống	0.846	
Dịch vụ tham vấn tâm lý hỗ trợ	0.851	

3.2. Nhu cầu quy trình tham vấn tâm lý của SV

Hình 1 thể hiện đa số SV 1, 2, 3 có nhu cầu cần có quy trình tham vấn tâm lý tại trường đại học. Cụ thể, tỉ lệ 58.5% SV mong muốn và rất mong muốn và chỉ 38.5% cho rằng bình thường. Phần chiếm tỉ lệ thấp nhất là ít mong muốn 0.8% và không mong muốn là 2.2%. Để làm rõ điều này, nhóm nghiên cứu phỏng vấn SV năm 1 tên T. Bạn T. cho rằng mình và một số bạn có vấn đề tâm lý (Trầm cảm, lo âu, khó cân bằng cảm xúc,...) khi bước chân vào năm 1 ở HIU. Bạn thể hiện mong muốn cần có quy trình tham vấn tâm lý ngay từ đầu để SV năm nhất có thể tiếp cận được. Ngoài ra, bạn H. – năm 2 của khối sức khỏe cho rằng nhiều bạn xung quanh bị vấn đề tâm lý nhưng SV có kinh tế hạn hẹp không thể đến tham vấn ở phòng khám bên ngoài. Bạn nghĩ trường đại học cần có quy trình tham vấn và phỏng tham vấn để hỗ trợ tâm lý cho SV xuyên suốt trong lúc học đại học.



Biểu đồ 3.1. Nhu cầu quy trình tham vấn tâm lý của SV

3.2.1. Nhu cầu tham vấn của SV về các lĩnh vực

Đề tài chia bốn lĩnh vực mà SV thường chọn để tham vấn bao gồm định hướng nghề nghiệp, học tập, phát triển kĩ năng sống và các dịch vụ hỗ trợ khác. Kết quả khảo sát cho thấy SV quan tâm đến nhiều nhất là nhu cầu định hướng nghề nghiệp (điểm trung bình (ĐTB) = 3.99); tiếp đến là phát triển kĩ năng sống (ĐTB= 3.89) và học tập (ĐTB= 3.87), sau cùng, mức độ ít được quan tâm nhất là dịch vụ hỗ trợ khác (ĐTB= 3.49). Độ lệch chuẩn nằm trong khoảng dưới

1 cho thấy không có sự phân tán nhiều ý kiến của SV trong nghiên cứu này.

Định hướng nghề nghiệp là nhu cầu mà SV quan tâm nhiều nhất từ đó có thể thấy SV quan tâm đến tham vấn liên quan tương lai nghề nghiệp nhiều hơn so với các lĩnh vực khác. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với kết quả của tác giả Nguyễn Văn Tịnh (2014) khi nghiên cứu nhu cầu tham vấn tâm lý của SV Trường đại học Hà Tĩnh. SV ở trường có nhu cầu tham vấn trong lĩnh vực nghề nghiệp chiếm đa số hơn so với học tập, bạn bè, tình yêu, lĩnh vực khác. Mặt khác, tác giả nghiên cứu của hai tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy, Đặng Thùy Dương (2019) cho biết SV năm nhất của Đại học Y Hà Nội có nhu cầu tham vấn tâm lý nhiều nhất ở lĩnh vực học tập và định hướng nghề nghiệp.

Kết quả phỏng vấn sâu “tại sao bạn nghĩ định hướng nghề nghiệp cần được tham vấn nhiều hơn?” thì bạn A. – SV của ngành Truyền thông đa phương tiện cho biết SV có nhu cầu tham vấn các vấn đề định hướng nghề nghiệp để hiểu rõ ngành học cũng như chuẩn bị các kĩ năng cần thiết trong nghề nghiệp tương lai ngay từ khi ở giảng đường. Đồng thời, SV A. cho biết khi hiểu rõ về hướng đi của nghề nghiệp (sẽ làm gì, môi trường công việc ra sao?) và các bạn được gỡ bỏ áp lực trong nghề nghiệp.

“Phát triển kĩ năng sống” xếp thứ hai với ĐTB = 3.89 về nhu cầu tham vấn. Kĩ năng sống là điều mà SV quan tâm chỉ xếp sau định hướng nghề nghiệp. SV khi được hỏi thì khẳng định người học tập thành công phải có kĩ năng sống nhất định. Do đó, SV cho rằng kĩ năng sống sẽ góp phần thành công của con người rất lớn sau khi tốt nghiệp.

“Học tập” là lĩnh vực mà SV có nhu cầu tham vấn xếp thứ ba. Để làm rõ kết quả này, giảng viên được phỏng vấn cho rằng học tập theo chương trình đào tạo của trường nên khuyến khích SV gặp khó khăn vấn đề này

thì thường mong muốn được tư vấn nhiều hơn là tham vấn. Vì vậy, nếu xét trong hoạt động dạy học gồm người dạy- người học, người học – người học thì thường có vấn đề tâm lý của SV nảy sinh ở đây.

“Dịch vụ hỗ trợ khác” có điểm trung bình nhu cầu thấp nhất trong bốn lĩnh vực. Thật sự, bao trùm đời sống tâm lý của SV là nhóm ba lĩnh vực trên. Tuy nhiên, SV cho rằng trường đại học cũng cần nắm bắt được nhu cầu này của SV bằng các sinh hoạt chuyên đề, đánh giá chất lượng tổ chức các hoạt động làm cho đời sống tâm lý của SV tốt hơn.

Bảng 3.2. Nhu cầu tham vấn của SV trong bốn lĩnh vực

TT	Biện pháp	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1.	Định hướng nghề nghiệp	3.99	0.76
2.	Phát triển kỹ năng sống	3.89	0.70
3.	Học tập	3.87	0.72
4.	Dịch vụ hỗ trợ khác	3.49	0.68

3.2.3. So sánh sự khác biệt giữa các yếu tố liên quan nhu cầu tham vấn của SV

* So sánh sự khác biệt nhu cầu tham vấn tâm lý về giới tính

Theo số liệu ở bảng 3.3, điểm trung bình nhu cầu tham vấn tâm lý ở bốn lĩnh vực của SV không có sự khác biệt giữa nam và nữ với $\text{sig} = 0.140 > \alpha = 0.05$. Trong đó, xét về điểm trung bình, giới tính khác có nhu cầu tham vấn tâm lý nhiều nhất (ĐTB= 4.02), kế đến là nữ (ĐTB= 3.81) và nam xếp thấp nhất ĐTB= 3.68)

Kiểm nghiệm Anova cho biết $\text{sig} = 0.030 < \alpha = 0.05$, có sự khác biệt nhu cầu tham vấn tâm lý về lĩnh vực định hướng nghề nghiệp ở các giới tính. Điểm trung bình cũng cho thấy giới tính khác có nhu cầu tham vấn lĩnh vực nghề nghiệp so với nữ và nam.

Tương tự, kết quả kiểm nghiệm Anova cho biết với sig đều lớn hơn $\alpha = 0.05$ nên không có sự khác biệt ý nghĩa nhu cầu tham vấn kỹ năng sống, học tập, dịch vụ hỗ trợ khác của SV.

Vậy, có sự khác biệt về mặt thống kê đến nhu cầu tham vấn tâm lý ở lĩnh vực nghề nghiệp giữa các giới tính nam, nữ, khác. Bên cạnh đó, không có sự khác biệt về mặt thống kê đến nhu cầu tham vấn tâm lý, từng lĩnh vực kỹ năng sống, học tập, dịch vụ hỗ trợ khác về mặt giới tính.

Bảng 3.3. So sánh sự khác biệt nhu cầu tham vấn tâm lý giữa nam và nữ

	Giới tính	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Kiểm nghiệm One way Anova (sig)
Định hướng nghề nghiệp	Nam	4.07	0.65	0.030
	Nữ	3.74	0.96	
	Khác	4.21	0.57	
Phát triển kỹ năng sống	Nam	3.99	0.76	0.315
	Nữ	3.88	0.64	
	Khác	3.80	0.87	
Học tập	Nam	4.09	0.45	0.281
	Nữ	3.89	0.70	
	Khác	3.93	0.63	
Dịch vụ hỗ trợ khác	Nam	3.71	0.92	0.071
	Nữ	3.95	0.60	
	Khác	3.87	0.73	
Nhu cầu tham vấn tất cả lĩnh vực	Nam	3.40	0.80	0.140
	Nữ	3.47	0.88	
	Khác	3.87	0.75	

So sánh sự khác biệt nhu cầu tham vấn tâm lý giữa các khoa

Đề tài tiến hành so sánh sự khác biệt nhu cầu tham vấn tâm lý chung và từng lĩnh vực giữa các khoa Khoa học xã hội, Kỹ thuật công nghệ, Khối sức khỏe. Kết quả kiểm nghiệm Anova cho thấy $\text{sig} = 0.465 > \alpha = 0.05$, cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa nhu cầu tham vấn tâm lý giữa ba khoa. Xét điểm trung bình nhu cầu tham vấn tâm lý, SV khoa khoa học xã hội có nhu cầu tham vấn tâm lý lớn nhất, kế đến là khoa kỹ thuật công nghệ và sau cùng là khối sức khỏe. Sự chênh lệch điểm trung bình của ba nhóm này khá ít.

Mặt khác, xét cụ thể bốn lĩnh vực, với sig lần lượt đều lớn hơn $\alpha = 0.05$ do đó không có sự khác biệt ý nghĩa nhu cầu tham vấn tâm lý giữa các lĩnh vực định hướng nghề nghiệp, kỹ năng sống, học tập, dịch vụ hỗ trợ khác. Tuy nhiên, SV khoa Khoa học xã hội có nhu cầu tham vấn lĩnh vực định hướng nghề nghiệp cao nhất, kế đến là kỹ thuật công nghệ và sau cùng là khối sức khỏe.

4. Kết luận

SV có nhu cầu quy trình tham vấn ở trường đại học khá cao. Bên cạnh đó, SV quan tâm nhiều nhất đến thấp nhất là tham vấn lĩnh vực định hướng nghề nghiệp, kỹ năng sống, học tập, dịch vụ hỗ trợ khác. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa về nhu cầu tham vấn tâm lý về giữa các khối ngành Khoa học xã hội, kỹ thuật công nghệ, khối sức khỏe. Đồng thời, không có sự khác biệt về mặt thống kê về nhu cầu tham vấn tâm lý, từng lĩnh vực kỹ năng sống, học tập, dịch vụ hỗ trợ khác về mặt giới tính nhưng lại có sự khác biệt về định hướng nghề nghiệp. Đề tài nghiên cứu chỉ mới khảo sát mẫu trên ba khoa vì vậy có thể nên triển khai số lượng mẫu lớn hơn ở các khoa khác của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

Tài liệu tham khảo

1. APA PsycNet (2022), “The definition of counseling”. Available: <https://psycnet.apa.org/record/1954-04285-001>.
2. Nguyễn Văn Thanh (2022), *Nhu cầu tham vấn của SV học viện Phụ nữ Việt Nam*, Tạp chí KHQL 18, số 2.
3. Nguyễn Văn Tĩnh (2014), *Nhu cầu tham vấn tâm lý của SV trường Đại học Hà Tĩnh*, Tạp Chí Giáo dục, số 329, tr. 19-21, 2014.
4. Bùi Thị Ngọc Thoa (2020), *Nhu cầu tham vấn tâm lý của SV trường đại học Lâm nghiệp*, Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp, số 5, tr.169 - 178.
5. Nguyễn Thị Thu Thủy, Đặng Thùy Dương (2020), *Nhu cầu tham vấn tâm lý của SV năm thứ nhất trường đại học Y Hà Nội*, Tạp chí nghiên cứu y học số 129 (5), tr. 216- 224.